

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~31~~/QĐ-BVN

Gia Lai, ngày 09 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán thu chi Ngân sách Nhà nước năm 2024 Của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-SYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-SYT ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc tạm cấp kinh phí hỗ trợ Tết Nguyên Đán Giáp Thìn năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-SYT ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc bổ sung dự toán ngân sách tỉnh năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc điều chỉnh tăng, giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-SYT ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 792/QĐ-SYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ Tết Nguyên Đán Giáp Thìn năm 2024.

Căn cứ biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Phòng Tài chính kế hoạch Sở Y tế và Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai.

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tổ chức - Hành chính Quản trị, phòng Tài chính - Kế toán và các khoa phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo (BC);
- Đăng Website bệnh viện;
- Lưu :VT, TC-KT.

GIÁM ĐỐC



Đặng Hữu Chiến



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVN Ngày / / 202 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 91/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2024/ Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	76.582,000	88.237,893	115,22%	25,26%
1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
2	Viện phí	72.700,000	83.359,176	114,66%	23,99%
	Viện phí trực tiếp	7.200,000	9.626,766	133,71%	-16,78%
	BHYT	65.500,000	73.732,410	112,57%	-15,08%
3	Thu khác	3.882,000	4.878,717	125,68%	-2,32%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	74.954,440	73.377,003	97,90%	-9,47%
1	Chi sự nghiệp.....	74.954,440	73.377,003	97,90%	-9,47%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	74.954,440	73.377,003	97,90%	-9,47%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2024/ Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.627,560	1.922,103	118,10%	-7,72%
1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
2	Viện phí	1.454,000	1.671,628	114,97%	-14,72%
	Viện phí trực tiếp	144,000	196,980	136,79%	-13,70%
	BHYT	1.310,000	1.474,648	112,57%	-15,08%
3.3	Thu khác	173,560	250,475	144,32%	43,13%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.815,569	8.738,635	99,13%	-0,87%
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.815,569	8.738,635	99,13%	-0,87%
1	Chi quản lý hành chính	0,000	0,000	0,00%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	8.815,569	8.738,635	99,13%	-0,87%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.815,569	8.738,635	99,13%	-0,87%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2024/ Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2024/ Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2024/ Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

KẾ TOÁN



Gia Lai, ngày 09 tháng 4 năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC


Đặng Hữu Chiến

